

Đặc điểm của khoa học chính sách xã hội

Lê Ngọc Hùng¹

Tóm tắt: Trên thế giới, khoa học chính sách xã hội là một chuyên ngành của các khoa học chính sách; có đặc trưng riêng về đối tượng, nhiệm vụ, lý thuyết, khái niệm, phương pháp và các phát hiện khoa học. Việc tìm hiểu khoa học chính sách xã hội trên thế giới góp phần nâng cao kiến thức khoa học cần thiết; thúc đẩy nghiên cứu, đào tạo, xây dựng và thực thi chính sách xã hội trên cơ sở bằng chứng khoa học; nâng cao phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển con người và phát triển bền vững.

Từ khóa: Khoa học; chính sách xã hội; Việt Nam.

Abstract: In the world, the social policy science is a branch of policy sciences that has its own characteristics in terms of the subject, tasks, theory, concepts, methodology and scientific discoveries. The study of the science as it is worldwide contributes to enriching the needed scientific knowledge; fostering research and training, development and implementation of social policies based on scientific evidence; enhancing social welfare, social protection, human development and sustainable development.

Keywords: Science; social policy; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, chính sách xã hội với tính cách là một chuyên ngành của các khoa học chính sách chính thức ra đời vào giữa thế kỷ XX, mặc dù nguồn gốc lý luận của nó có thể tìm thấy trong tư tưởng của các nhà thông thái thời cổ đại như Socrates, Platon, Aristote và nhiều người khác. Các nghiên cứu thuộc loại kinh điển về chính sách xã hội có thể tìm thấy trong các tác phẩm của Auguste Comte, C.Mác, Max Weber, Emile Durkheim và nhiều tác giả khác ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Với nghiên cứu của Harold Lasswell và các đồng sự, các khoa học chính sách (Policy sciences) trong đó có chính sách xã hội chính thức ra đời năm 1951. Các nghiên cứu hiện đại nổi bật nhất về chính sách xã hội cần được kể tới là nghiên cứu

của Richard Titmuss, Michael Harrington, Amartya Sen, Robert Chambers [1], Joseph Stiglitz và nhiều tác giả khác từ giữa thế kỷ XX đến nay. Ở Việt Nam, chính sách xã hội là một bộ phận của chính sách công với trọng tâm là chính sách an sinh xã hội và là một học phần quan trọng của chương trình đào tạo đại học và sau đại học ngành, chuyên ngành chính sách công, quản lý xã hội, khoa học quản lý. Tuy nhiên, ở Việt Nam chính sách xã hội

¹ Giáo sư, tiến sĩ, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0904110197. Email: hungxhh@gmail.com. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 trong khuôn khổ Đề tài “Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội trong xây dựng nông thôn mới” (số 63/2015/HĐ-VPCT).

chủ yếu được định nghĩa từ các cách tiếp cận chính trị học và khoa học quản lý, từ góc độ lãnh đạo, quản lý và chính sách công mà chưa phải từ góc độ một chuyên ngành khoa học chính sách. Do vậy, bài viết này giới thiệu chính sách xã hội với tính cách là một chuyên ngành khoa học của hệ thống các khoa học chính sách như đã được hình thành, phát triển trên thế giới.

2. Một số định nghĩa về chính sách xã hội

Chính sách xã hội được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, có thể tóm lại thành ba cách định nghĩa cơ bản nhất như sau: *Thứ nhất*, chính sách xã hội là một lĩnh vực nghiên cứu khoa học và đào tạo về chính sách xã hội. Ví dụ, Amanda Coffey định nghĩa [13]: chính sách xã hội là lĩnh vực nghiên cứu về nhà nước phúc lợi và các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, an sinh xã hội, các dịch vụ xã hội dành cho cá nhân. *Thứ hai*, chính sách xã hội là hệ thống các dịch vụ xã hội đảm bảo phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển xã hội, phát triển con người. Ví dụ, Amanda Coffey định nghĩa: chính sách xã hội là tập hợp các chính sách và các thực hành liên quan đến việc nâng cao phúc lợi xã hội, hạnh phúc con người. *Thứ ba*, chính sách xã hội là quá trình xã hội trong đó chính sách được xây dựng và thực thi nhằm đạt được các mục tiêu xác định là nâng cao phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển con người và phát triển xã hội bền vững.

Theo nghĩa thứ nhất, chính sách xã hội là một ngành khoa học, một ngành đào tạo về chính sách xã hội. Theo nghĩa này, chính

sách xã hội mới được hình thành, phát triển ở Việt Nam. Hiện nay, mới có một số trường đại học, một số viện nghiên cứu thực hiện chương trình đào tạo đại học và sau đại học chuyên ngành xã hội học, chuyên ngành công tác xã hội, chuyên ngành chính sách công và một số chuyên ngành khác, trong đó chính sách xã hội là một học phần, một môn học quan trọng. Đồng thời, có không ít chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học về chính sách xã hội đã được thực hiện và được công bố thành sách, bài viết trên các tạp chí khoa học [5, tr.31].

Theo nghĩa thứ hai, chính sách xã hội là các mạng lưới an toàn, các dịch vụ phúc lợi xã hội (ví dụ: giáo dục, y tế, nước sạch do nhà nước và hệ thống phúc lợi cung cấp) nhằm đảm bảo phúc lợi xã hội, phát triển con người, bảo trợ xã hội và phát triển xã hội. Trên thế giới, chính sách xã hội theo nghĩa này đã phát triển từ đầu thế kỷ XVII với luật nghèo ở Anh. Ở Việt Nam, chính sách xã hội theo nghĩa này được phát triển sâu rộng trong thời kỳ đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay. Bằng chứng rõ nhất của chính sách xã hội theo nghĩa này là việc Việt Nam trên thực tế đã ban hành, thực thi hàng trăm văn bản chính sách xã hội từ năm 1947 đến năm 2016. Trong số đó, cần kể tới các luật như Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (2004), Luật Phòng, chống tham nhũng (2005), Luật Bình đẳng Giới (2006), Luật Nhà ở (2006), Luật Phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (2006), Luật Bảo hiểm xã hội (2007), Luật Bảo hiểm y tế (2008), Luật Người cao tuổi

(2009) và nhiều văn bản pháp luật khác. Đặc biệt, Việt Nam triển khai thành công các chương trình, dự án, xóa đói, giảm nghèo, nhờ vậy đã giảm tỉ lệ nghèo chung từ gần 60% năm 1993 xuống còn dưới 10% năm 2015.

Theo nghĩa thứ ba, chính sách xã hội là quá trình ra quyết định xây dựng chính sách và thực thi quyết định thực hiện chính sách. Quá trình chính sách xã hội ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến đời sống xã hội của các cá nhân, nhóm xã hội và cộng đồng xã hội theo nhiều cách khác nhau. Định nghĩa này bao gồm cả việc coi chính sách xã hội là một bộ phận cấu thành của sinh kế và phát triển. Theo nghĩa này, chính sách xã hội liên tục vận động, biến đổi và được đổi mới, cải cách nhằm đáp ứng nhu cầu, yêu cầu xã hội. Ví dụ, chính sách xã hội đã thay đổi để thu hút sự tham gia sâu rộng của người thụ hưởng chính sách và các bên liên quan trong quá trình xây dựng, thực hiện chính sách. Đồng thời, quá trình xây dựng, thực thi chính sách được nghiên cứu và đổi mới nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình. Ở Việt Nam, rất phổ biến quan niệm về chính sách xã hội theo cách định nghĩa thứ ba này với điểm nhấn từ góc độ chính sách công và chính trị học. Theo quan niệm này, chính sách xã hội được hiểu là một bộ phận chính sách của nhà nước để quản lý xã hội, là tổng thể các quan điểm, chủ trương, giải pháp, công cụ mà nhà nước tác động lên các quan hệ xã hội, hoạt động xã hội nhằm giải quyết vấn đề xã hội, thực hiện các mục tiêu nhất định [5, tr.31].

3. Định nghĩa tổng tích hợp về chính sách xã hội

Một loạt các câu hỏi được đặt ra [15]: chính sách xã hội là gì? Cần hiểu chính sách xã hội như thế nào để bao quát được cả ba cách định nghĩa vừa nêu? Có cách định nghĩa tổng tích hợp nào khác để thu tóm được nội dung cơ bản tất cả các định nghĩa khác về chính sách xã hội? Cần định nghĩa tổng tích hợp cả ba cách định nghĩa ở trên như thế nào để trả lời đầy đủ câu hỏi: chính sách xã hội là gì?

Quá trình biến đổi chính sách xã hội được đánh dấu bằng sự kiện ra đời thuật ngữ “các khoa học chính sách” vào năm 1951. Từ cuối thế kỷ XX đến nay, chính sách xã hội có lẽ đã chuyển sang giai đoạn phát triển tổng - tích hợp cách tiếp cận theo lý thuyết hệ thống tổng quát [9, tr.18]. Do vậy, cần tổng tích hợp các định nghĩa khác nhau và đưa ra một định nghĩa khái quát, định nghĩa thứ tư đảm bảo “3 trong 1” như sau: Chính sách xã hội là lĩnh vực nghiên cứu khoa học, xây dựng và thực thi chính sách nhằm đảm bảo phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển xã hội và phát triển con người.

Định nghĩa này nhấn mạnh rằng chính sách xã hội là lĩnh vực hành động có mục đích xã hội mà cả hành động và mục đích đều có tính “tổng - tích hợp”, đều là hệ thống xã hội. Với tính cách là công cụ chính trị, chính sách xã hội có thể phân phối lại các nguồn lực từ nhóm người này cho nhóm người khác để nhằm đạt được mục tiêu chính trị nhất định. Khi đó như Richard Titmuss (1974) đã viết: cái gì là phúc lợi cho những nhóm người này có thể

là tai họa cho những nhóm người khác, chính sách xã hội có thể không giảm bớt mà làm tăng bất bình đẳng xã hội.

Định nghĩa tổng tích hợp 3 trong 1 vừa nêu nhấn mạnh vị trí hàng đầu của “lĩnh vực nghiên cứu khoa học” có chức năng, nhiệm vụ tìm ra tri thức khoa học về chính sách xã hội, cung cấp tri thức khoa học đó cho việc xây dựng và thực thi chính sách xã hội.

Định nghĩa này đòi hỏi phải có sự phân hóa tương đối giữa lĩnh vực nghiên cứu khoa học với lĩnh vực thực hành xây dựng chính sách, nhằm đáp ứng nhu cầu phúc lợi và phát triển của cá nhân và xã hội của chính sách xã hội. Đồng thời, xu hướng nổi bật hiện nay là việc xây dựng và thực thi chính sách xã hội ngày càng dựa trên các bằng chứng khoa học do nghiên cứu khoa học chính sách xã hội cung cấp.

Như vậy, từ giữa thế kỷ XX đến nay, chính sách nói chung trong đó có chính sách xã hội đã trở thành lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Do vậy, hiện nay trên thế giới, nói đến chính sách xã hội là nói đến một chuyên ngành của các khoa học chính sách. Điều này đòi hỏi phải nghiên cứu và triển khai khoa học chính sách xã hội mỗi khi bàn đến các nội dung, các thành phần, các quá trình của nó. Liên quan đến tính chính trị và hệ các giá trị, khoa học chính sách xã hội có sứ mệnh phân tích khách quan, chính xác, trung thực và có tính phê phán (Jurgen Habermas nhà triết học, nhà xã hội học người Đức cho rằng khoa học xã hội cụ thể là xã hội học có chức năng phê phán kép là vừa phê phán xã hội vừa tự phê phán, tức là phê phán chính khoa học xã

hội) đối với tất cả các biểu hiện đúng đắn hoặc sai lầm, phúc lợi và tai họa của chính sách xã hội.

4. Khái niệm “Khoa học chính sách xã hội”

Khoa học chính sách xã hội là gì? Thuật ngữ “Chính sách xã hội” vừa được định nghĩa một cách tổng tích hợp “3 trong 1” trong đó nhấn mạnh chính sách xã hội trước hết là khoa học về chính sách xã hội. Tuy nhiên, để nhấn mạnh nội dung và ý nghĩa này có thể cần phải sử dụng thuật ngữ “khoa học chính sách xã hội”. (Social policy science). Đó là lĩnh vực nghiên cứu khoa học về chính sách xã hội với đối tượng, nhiệm vụ, lý thuyết, phương pháp và các phát hiện khoa học.

Cần thấy rằng, chính sách xã hội trở thành một khoa học với tên gọi là “Khoa học chính sách xã hội” có vị trí và vai trò nhất định trong hệ thống các khoa học chính sách từ giữa thế kỷ XX đến nay. Sự ra đời và phát triển của khoa học chính sách xã hội gắn liền với lịch sử ra đời và phát triển các khoa học chính sách [12].

Các khoa học chính sách là gì? Thuật ngữ “Các khoa học chính sách” được Harold Lasswell chính thức sử dụng lần đầu vào năm 1951 để nói về lĩnh vực nghiên cứu quá trình làm chính sách, thực thi chính sách và cung cấp các dữ liệu, các diễn giải mang tính khoa học về những vấn đề chính sách, cách giải quyết vấn đề đó trong thời kỳ nhất định.

Thuật ngữ “Các khoa học chính sách” xuất hiện lần đầu tiên trong chương sách bàn về “Định hướng chính sách” của

Harold Lasswell và trong tên cuốn sách do Lasswell đồng chủ biên với Daniel Lerner xuất bản năm 1951. Hai mươi năm sau, Lasswell vẫn sử dụng thuật ngữ “các khoa học chính sách” cho cuốn sách của ông bàn về sự phát triển của khoa học này. Theo Harold Lasswell, định hướng chính sách là lĩnh vực nghiên cứu khoa học có nhiệm vụ kép là phát triển khoa học về quá trình chính sách và tăng cường thông tin khoa học cho những người hoạch định chính sách.

Năm 1951, trong “định hướng chính sách” thuật ngữ “các khoa học chính sách” được Lasswell dùng để chỉ tập hợp các phương pháp nghiên cứu quá trình chính sách, các kết quả nghiên cứu chính sách và các phát hiện đáp ứng nhu cầu trí tuệ của các nhà hoạch định chính sách và của xã hội trong những thời kỳ nhất định.

Năm 1971, Harold Lasswell cho rằng, các khoa học chính sách liên quan đến tri thức *trong* và *về* quá trình ra quyết định. Nói cách khác: các khoa học chính sách là các khoa học về chính sách và các khoa học *trong* chính sách. Vận dụng quan điểm của Lasswell có thể nói chính sách xã hội là khoa học *về* và *trong* chính sách xã hội để không ngừng cải tiến tri thức khoa học và cải tiến việc xây dựng, thực thi chính sách xã hội.

Như vậy, áp dụng cách tiếp cận các khoa học chính sách của Lasswell có thể hiểu rằng thuật ngữ “khoa học chính sách xã hội” được dùng để chỉ một lĩnh vực khoa học về chính sách xã hội và khoa học *trong* chính sách xã hội. Khoa học chính sách xã hội là một trong các khoa học chính sách

chuyên nghiên cứu quá trình xây dựng và thực thi chính sách xã hội, đồng thời cung cấp tri thức khoa học cho các nhà làm chính sách xã hội và những ai quan tâm tới chính sách xã hội.

Theo Alcock (1996), chính sách xã hội là một bộ môn khoa học hàn lâm được thừa nhận và thực thi bởi các thiết chế khoa học. Chẳng hạn, ở Vương quốc Anh có các trường đại học với các khoa chính sách xã hội, các chương trình đào tạo đại học và sau đại học về chính sách xã hội, có các tạp chí khoa học hàn lâm công bố các nghiên cứu về chính sách xã hội và có hiệp hội chuyên nghiệp về chính sách xã hội [12].

Khoa học chính sách xã hội là một trong các khoa học chính sách, chứ không phải là một chuyên ngành của xã hội học, tâm lý học, khoa học quản lý, chính trị học hay một khoa học xã hội và nhân văn nào khác. Điều này tạo cho khoa học chính sách xã hội lợi thế của sự độc lập tương đối trong việc học hỏi, kế thừa các thành tựu của các khoa học chính sách và các khoa học xã hội và nhân văn khác.

Với việc gắn kết nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ là cung cấp thông tin cho người làm chính sách như vậy, nên chính sách xã hội có khả năng góp phần thay đổi thực tế đời sống xã hội của con người. Nói theo C.Mác, khoa học chính sách xã hội không chỉ giải thích thế giới mà còn thay đổi thế giới thông qua việc cung cấp tri thức khoa học cho đội ngũ những người xây dựng và thực thi chính sách. Đây chính là đặc trưng của các khoa học chính sách mà các khoa học xã hội và nhân văn

như chính trị học, xã hội học, kinh tế học phải nỗ lực rất nhiều mới có thể đạt được.

5. Đối tượng của khoa học chính sách xã hội

Theo quan niệm của Lasswell, đối tượng nghiên cứu của khoa học chính sách xã hội là quá trình chính sách xã hội và các vấn đề chính sách xã hội đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử xã hội cụ thể. Từ đó, khoa học chính sách xã hội cung cấp tri thức khoa học cần thiết cho các nhà hoạch định chính sách, thực thi chính sách. Vận dụng cách tiếp cận “các khoa học chính sách” của Lasswell, có thể định nghĩa khái quát về khoa học chính sách xã hội như sau: chính sách xã hội là lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên ngành về chính sách trong mối quan hệ với phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển con người và phát triển xã hội.

Kết hợp cách tiếp cận của Lasswell với cách tiếp cận xã hội học [6, tr.94-102], có thể nêu một định nghĩa mang tính tổng - tích hợp như sau: khoa học chính sách xã hội là một trong các khoa học chính sách nghiên cứu các quy luật hình thành, vận động và biến đổi mối quan hệ của chính sách xã hội với con người và với xã hội.

Định nghĩa này nhấn mạnh chính sách xã hội là một khoa học của các khoa học chính sách theo quan niệm của Lasswell. Đồng thời, định nghĩa này hàm ý rằng khoa học chính sách luôn xem xét, nghiên cứu chính sách xã hội trong mối quan hệ với con người và xã hội trong các phạm vi từ vi mô đến vĩ mô, từ cấp độ địa phương, cộng đồng, quốc gia đến khu vực quốc tế và cấp độ toàn cầu với các điều kiện lịch sử cụ thể.

6. Vấn đề cơ bản và câu hỏi nghiên cứu của khoa học chính sách xã hội

Mỗi một khoa học đều có một hoặc hơn một vấn đề cơ bản mà nó theo đuổi cho đến cùng. Vấn đề cơ bản của khoa học chính sách xã hội là mối quan hệ giữa chính sách xã hội với con người và với xã hội. Vấn đề cơ bản này có thể diễn đạt thành câu hỏi kép như sau: chính sách xã hội có ảnh hưởng như thế nào đối với con người và xã hội? Con người và xã hội có tác động như thế nào đến chính sách xã hội?

Vấn đề cơ bản này được triển khai thông qua nhiều câu hỏi nghiên cứu khoa học chính sách xã hội. Đó là các câu hỏi đến nay vẫn còn tranh luận, ví dụ: chính sách xã hội là gì? chính sách xã hội ra đời, vận động, biến đổi như thế nào? con người làm chính sách xã hội như thế nào? con người trải nghiệm chính sách xã hội ra sao? chính sách xã hội ảnh hưởng như thế nào đến cấu trúc xã hội? tại sao nhóm xã hội này lại được thụ hưởng chính sách xã hội? chính sách đó nhằm vào mục tiêu gì và được thực hiện ra sao? Nhà nước, thị trường, cá nhân, gia đình và các tổ chức xã hội có vị trí, vai trò như thế nào trong quan hệ với chính sách xã hội? và nhiều câu hỏi khác. Có thể tóm tắt các câu hỏi đại loại như vậy bằng một câu hỏi nghiên cứu tổng hợp là: chính sách do ai ban hành, để phục vụ ai, và phục vụ như thế nào?

Mỗi một nghiên cứu cụ thể đều có những câu hỏi nghiên cứu nhất định. Ví dụ, nghiên cứu khoa học chính sách xã hội các nước Đông Á nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu là: các chính sách xã hội Đông Á thuộc loại chính sách xã hội nào trong hệ thống chính sách xã hội thế giới? các

hệ giá trị văn hóa Đông Á có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực như thế nào đối với chính sách xã hội Đông Á?

7. Nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học chính sách xã hội

- Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận

Các khoa học chính sách có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận để xây dựng lý thuyết, cách tiếp cận lý thuyết, phạm trù, khái niệm và phương pháp luận nghiên cứu. Là một bộ môn khoa học hàn lâm, khoa học chính sách xã hội cần phải tăng cường thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu lý luận để xây dựng hệ thống các lý thuyết, phạm trù, khái niệm và phương pháp luận nghiên cứu của riêng nó.

- Nhiệm vụ nghiên cứu thực nghiệm (empirical research)

Khác với nghiên cứu thực nghiệm (experimental research) trong khoa học tự nhiên, khoa học chính sách xã hội nghiên cứu thực nghiệm dưới hình thức thử nghiệm, làm thử, thí điểm (pilot study) để kiểm chứng giả thuyết khoa học. Trên thực tế, nghiên cứu thực nghiệm khoa học chính sách xã hội chủ yếu được hiểu là nghiên cứu thực tế, điều tra và khảo sát xã hội học, nghiên cứu trường hợp (case study), nghiên cứu so sánh và nghiên cứu lịch sử. Nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu đánh giá tác động, đánh giá hiệu quả và nghiên cứu đánh giá chính sách cũng được coi là nghiên cứu thực nghiệm. Điều cơ bản và quan trọng ở đây là nghiên cứu thu thập, xử lý và phân tích các dữ liệu, các bằng chứng thực tế để phát hiện vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề về mối quan hệ giữa lý thuyết và bằng chứng khoa học. Nghiên

cứ thực nghiệm khoa học chính sách có đặc trưng là xây dựng và áp dụng các khung lý thuyết, khung phân tích, khung đánh giá gọi chung là khung nghiên cứu vào giải quyết vấn đề nghiên cứu trên cơ sở các bằng chứng khoa học.

- Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển (research and development)

Trước đây nhiệm vụ này có tên gọi là nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai. Hiện nay, chính sách xã hội được hiểu là nghiên cứu chính sách và phát triển chính sách để giải quyết vấn đề chính sách nhằm mục tiêu phát triển con người và phát triển xã hội bền vững.

8. Thành phần và cấu trúc của khoa học chính sách xã hội

Là một khoa học, chính sách xã hội có đầy đủ các thành phần và cấu trúc của một khoa học tương đối độc lập trong hệ thống các khoa học chính sách nói riêng và hệ thống các khoa học nói chung. Tuy nhiên, khoa học chính sách xã hội có thể chứa đựng một số thành phần, một số đặc điểm, tính chất nhất định.

Xuất phát từ quan niệm coi chính sách xã hội là lĩnh vực nghiên cứu quá trình ban hành và thực thi chính sách xã hội, một số tác giả cho rằng khoa học chính sách xã hội bao gồm ba bộ phận cấu thành như sau: đối tượng nghiên cứu là các chính sách, các chương trình, dự án và các dịch vụ xã hội của chính phủ và các tổ chức khác. Phương pháp nghiên cứu là phương pháp mô tả, phân tích văn bản, phân tích so sánh lịch sử và các phương pháp xã hội học. Phương pháp phân tích so sánh lịch sử đòi hỏi phải xem xét, đánh giá đối tượng nghiên cứu

trong bối cảnh, tình huống lịch sử - xã hội cụ thể. Mục đích nghiên cứu là phân loại các chính sách xã hội, chính sách phúc lợi xã hội, chính sách bảo trợ xã hội, các loại nhà nước phúc lợi xã hội, các loại hệ thống phúc lợi và các nội dung khác để cải tiến chính sách xã hội nhằm góp phần thúc đẩy dân chủ, tiến bộ, công bằng và bình đẳng xã hội (tức là nghiên cứu các thành phần và cấu trúc, các hình thức và mức độ, các nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng, cơ chế và xu hướng biến đổi chính sách xã hội).

Từ góc độ đối tượng nghiên cứu, khoa học chính sách xã hội có cấu trúc gồm: chuyên ngành về phúc lợi xã hội với các thiết chế phúc lợi như nhà nước phúc lợi, hệ thống phúc lợi, chế độ phúc lợi, chuyên ngành về bảo trợ xã hội, chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, chuyên ngành về an sinh xã hội, chuyên ngành về phát triển con người, chuyên ngành về phát triển xã hội và các chuyên ngành khác.

Từ góc độ phương pháp, một mặt cần nghiên cứu vận dụng tất cả hệ thống lý thuyết, phạm trù, khái niệm, phương pháp và các thành tựu của các khoa học chính sách để xây dựng khoa học chính sách xã hội. Mặt khác, cần nghiên cứu và phát triển khoa học chính sách xã hội với tính cách là một khoa học chính sách chuyên ngành có đối tượng riêng, lý thuyết riêng, phương pháp riêng trong mối quan hệ mở với các khoa học chính sách và các khoa học khác.

Khoa học chính sách xã hội là một chuyên ngành khoa học chính sách vừa mang tính đa ngành vừa mang tính liên ngành, vừa thực tế và vừa hàn lâm, vừa phê phán và tự phê phán, vừa thực dụng và vừa sáng tạo. Khoa học chính sách có quan hệ

chặt chẽ với các bộ môn như xã hội học, tâm lý học, chính trị học, kinh tế học, sử học, luật học, triết học, công tác xã hội, quản trị xã hội, khoa học quản lý, khoa học lãnh đạo và các khoa học khác. Từ đây, xuất hiện nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết đối với sự phát triển chính sách xã hội với tính cách là một khoa học, một ngành đào tạo và một loại hoạt động chuyên môn nghề nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

9. Một số cách tiếp cận xã hội học trong khoa học chính sách xã hội

- Cách tiếp cận lý thuyết xã hội học

Xã hội học cung cấp nhiều cách tiếp cận lý thuyết và phương pháp xã hội học cho khoa học chính sách xã hội. Amanda Coffey viết cả một cuốn sách về chính sách xã hội từ góc độ các cách tiếp cận xã hội học [13], trong đó giới thiệu các lý thuyết xã hội học, các phương pháp xã hội học và một số chủ đề như chính sách xã hội với thuyết nữ quyền, chính sách xã hội với bình đẳng và khác biệt, chính sách xã hội với thời gian và không gian. Dựa vào khung lý thuyết và phương pháp xã hội học, Amanda Coffey đã đề xuất việc định nghĩa lại chính sách xã hội theo hướng nhấn mạnh nghiên cứu khoa học về chính sách xã hội.

Về lý thuyết, nghiên cứu khoa học chính sách xã hội có thể lựa chọn và áp dụng các cách tiếp cận lý thuyết xã hội học từ kinh điển đến hiện đại, đương đại [7]. Ví dụ, có thể tìm hiểu và vận dụng cách tiếp cận mâu thuẫn luận với lý thuyết kinh điển của C.Mác và lý thuyết hiện đại của

Dahrendorf coi chính sách xã hội là công cụ, phương tiện giải quyết mâu thuẫn, xung đột xã hội giữa các giai cấp, giai tầng và các nhóm xã hội.

- Cách tiếp cận chức năng luận

Lý thuyết kinh điển của Emile Durkheim và lý thuyết hiện đại của Talcott Parsons coi chính sách xã hội là một tiểu hệ thống của hệ thống xã hội; có chức năng tăng cường sự đoàn kết xã hội, hội nhập xã hội, đồng thuận xã hội.

- Cách tiếp cận tương tác luận biểu trưng

Lý thuyết kinh điển của Herbert Mead và lý thuyết hiện đại của Erving Goffman coi chính sách xã hội là hệ thống các biểu tượng, thông qua đó các cá nhân, các nhóm xã hội trải nghiệm, giao tiếp, tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau tạo nên cộng đồng xã hội.

- Cách tiếp cận phê phán luận

Lý thuyết kinh điển của C.Mác và lý thuyết hiện đại của Jurgen Habermas, Michel Foucault coi chính sách xã hội là vũ khí phê phán các bất công, bất bình đẳng xã hội, các biểu hiện tha hóa con người và tự phê phán những sai lầm lý luận, phương pháp luận khoa học chính sách xã hội để đổi mới, cải tiến chính sách xã hội cho phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của con người.

- Cách tiếp cận bình đẳng giới

Khoa học chính sách xã hội có thể áp dụng một cách phù hợp các cách tiếp cận: lý thuyết mác xít kinh điển về nữ quyền; lý thuyết mác xít hiện đại về nữ quyền, lý thuyết bình đẳng giới (với các phiên bản phụ nữ trong phát triển, phụ nữ và phát triển, lồng ghép giới, dòng chủ đạo giới); lý thuyết thiết chế giới.

- Cách tiếp cận từ các bộ môn khoa học khác

Khoa học chính sách xã hội có thể áp dụng các cách tiếp cận khác từ các bộ môn khoa học khác nhau. Trong số đó, có thể kể một số cách tiếp cận như: chính trị học, kinh tế học, luật học, tâm lý học, nhân học, công tác xã hội, quản trị xã hội và nhiều khoa học khác nữa, kể cả những khoa học chính sách như khoa học chính sách công.

10. Kết luận

Cho đến nay, khoa học chính sách xã hội đã phát triển với tính cách là một chuyên ngành của các khoa học chính sách gồm các khái niệm, các cách tiếp cận lý thuyết và các phát hiện khoa học có thể áp dụng trong nghiên cứu, xây dựng, thực thi chính sách xã hội nhằm mục tiêu phát triển bao trùm và bền vững.

Từ nhiều cách định nghĩa khác nhau, có thể đi đến tổng tích hợp một định nghĩa có tính hệ thống tổng quát như sau: *chính sách xã hội là lĩnh vực nghiên cứu khoa học, xây dựng và thực thi chính sách đảm bảo phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển xã hội và phát triển con người.*

Với định nghĩa tổng tích hợp này, chính sách an sinh xã hội là một bộ phận của khoa học chính sách xã hội có đối tượng, vấn đề, hệ thống các cách tiếp cận lý thuyết và mô hình của nó. Việc học tập, tiếp thu có tính phê phán khoa học chính sách xã hội trên thế giới là rất quan trọng, cần thiết, để có thể nghiên cứu và phát triển khoa học chính sách xã hội nói riêng và các khoa học chính sách nói chung trong điều kiện xây dựng kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Robert Chambers (1983), *Phát triển nông thôn: hãy bắt đầu từ những người cùng khổ*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [2] Mai Ngọc Cường (Chủ biên) (2006), *Chính sách xã hội nông thôn: kinh nghiệm Cộng hòa Liên bang Đức và thực tiễn Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hữu Dũng (2007), “Cơ sở lý luận về xây dựng và thực hiện chính sách xã hội nhằm đảm bảo hài hòa quan hệ giữa công bằng xã hội và tăng trưởng kinh tế”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1(97).
- [4] Nguyễn Tuấn Dũng, Đỗ Minh Hợp (2002), *Từ điển quản lý xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Phan Huy Đường (Chủ biên) (2015), *Chính sách xã hội: Các vấn đề và sự lựa chọn theo hướng phát triển bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Lê Ngọc Hùng (1997), “Thử bàn về đối tượng nghiên cứu của xã hội học”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3.
- [7] Lê Ngọc Hùng (2009), *Lịch sử & lý thuyết xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [8] Lê Ngọc Hùng (2014), *Lý thuyết xã hội học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Lê Ngọc Hùng (2015), *Hệ thống, cấu trúc & phân hóa xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [10] Lê Ngọc Hùng (2016), “Chính sách xã hội và kiến tạo xã hội: Một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn”, Tạp chí *Thông tin khoa học lý luận chính trị*, số 1 (14).
- [11] Bùi Đình Thanh (2004), *Xã hội học và chính sách xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [12] Jochen Clasen (2004), “Defining comparative social policy”, *A Handbook of Comparative Social Policy*, Edward Elgar Publishing Ltd, USA.
- [13] Amanda Coffey (2004), *Reconceptualizing Social Policy: Sociological Perspectives on Contemporary Social Policy*, New York.
- [14] Anthony Hall (2007), “Social policies in the World Bank: Paradigm and Challenges”, *Global Social Policy*, N^o7.
- [15] Anthony Hall and James Midgley (2004), *Social policy for development*, Sage Publications, London.